

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nhập Môn Tâm Lý Học		
Mã học phần:	241_72PSYI30013_01	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_72PSYI30013_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	90	phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Analyze the nature of human psychology, psychological perspectives, schools of psychology in the world, history of Psychology, psychological research methods.	Tự luận	30%	1,3	2.6	PI2a.1
CLO2	Analyze the levels and meanings of each level of consciousness, human behaviors, activities and communication, the characteristics of emotions, motivation, and personality, psychological problems and ways to cope various situations.	Tự luận	30%	2,4,5	4.4	PI2b.1 PI2b.3
CLO3	Apply the rules of psychological phenomena to design consultation activities suitable for different customer groups	Tự luận	40%	6,7	3	PI3a.1

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng

của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (1.8 điểm)

A friend of yours usually avoids crowds and stays quiet in places with many people. Choose 3 perspectives from psychological perspectives you've learned to explain this person's characteristic and behavior.

Câu hỏi 2: (1 điểm)

What is negative reinforcement? Provide a real-life example.

Câu hỏi 3: (0.8 điểm)

They found that people who drink a lot of coffee are more likely to suffer from heart attacks. Can we conclude that coffee causes heart disease? Why or why not?

Câu hỏi 4: (1 điểm)

What is procedural memory? Provide a real-life example.

Câu hỏi 5: (2.4 điểm)

Choose four factors from the Big Five personality traits and explain what happens when a person scores high on each of them.

Câu hỏi 6: (1.2 điểm)

What are convergent thinking and divergent thinking? Provide examples.

Câu hỏi 7: (1.8 điểm)

Choose and describe 3 types of personality disorders that you've learned.

.....

IV. ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Gọi tên 3 quan điểm và giải thích được hiện tượng trong tình huống	1.8	
Quan điểm 1	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Quan điểm 2	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Quan điểm 3	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Câu 2		1.0	
Gọi tên	Giải thích được negative reinforcement (removing discomfort to encourage behaviors)	0.5	

Ví dụ	Nêu được ví dụ negative reinforcement. (ví dụ thả xích chó để thưởng cho 1 hành động tốt.)	0.5	
Câu 3		0.8	
Nhận định	No	0.3	
Giải thích	Correlation does not mean causation. (There are many other factors that can be the causes.)	0.5	
Câu 4		1.0	
Định nghĩa	Định nghĩa đúng procedural memory: “a type of long-term memory for performing skills or actions.”	0.5	
Nêu ví dụ	Ví dụ có thể đa dạng: biết bơi, biết đạp xe, biết sút bóng,...	0.5	
Câu 5	Gọi tên 4 nhân cách lớn trong Openness (curious), Conscientiousness (hardworking), Extroversion (outgoing), Agreeableness (helpful), và Neuroticism (anxious).	2.4	
Nhân cách 1	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Nhân cách 2	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Nhân cách 3	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Nhân cách 4	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Câu 6	Giải thích 2 loại thinking được với ví dụ trong cuộc sống	1.2	
Convergent	Giải thích được + ví dụ	0.6	
Divergent	Giải thích được + ví dụ	0.6	
Câu 7	Gọi tên 3 rối loạn nhân cách bất kỳ và mô tả đúng các loại này	1.8	
Tên loại 1	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Tên loại 2	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
Tên loại 3	Gọi được tên và giải thích được	0.6	
	Điểm tổng	10	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2024
Giảng viên ra đề


TS. Phạm Văn Tuấn

ThS. Nguyễn Hùng Lâm